

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 46

Ngành học: Sư phạm Lịch sử

Mã ngành: 7140218

Đơn vị quản lý: Khoa Sư phạm

Hệ đào tạo chính quy

Bộ môn: Sư phạm Lịch sử

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi Chú
Học kỳ 1										
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				
6	SG140	Nhập môn khoa học lịch sử	2	2		30				
		Cộng	13	13	0					
Học kỳ 2										
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
2	SP010	Tâm lý học sư phạm	2	2		20	20	SP009		
3	SG109	Phương pháp luận sử học	2	2		30				
4	SP231	Khảo cổ học	2	2		30				
5	XH023	Anh văn căn bản 1	4		4	60				
6	SG411	Lịch sử thế giới cổ trung đại 1	2	2		30				
7	SG416	Lịch sử Việt Nam cổ trung 1	2	2		30				
8	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
9	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
10	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
11	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
12	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				
13	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			
14	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
		Cộng	19	13	6					
Học kỳ 3										
1	SP079	Giáo dục học	3	3		45		SP010		
2	SP232	Dân tộc học đại cương	2	2		30				
3	TN003	Tin học căn bản	1	1		15				
4	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		TN033	
5	XH024	Anh văn căn bản 2	3		3	45			XH023	
6	ML016	Kinh tế chính trị - Mác Lê Nin	2	2		30		ML014		
7	SG412	Lịch sử thế giới cổ trung đại 2	2	2		30		SG411		
8	SP501	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2	2	2		30		SG416		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi Chú
9	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				
		Cộng	19	16	3					
Học kỳ 4										
1	SG439	Phương pháp nghiên cứu KHGD	2	2						
2	SG420	Lý luận dạy học Ngữ văn - KHXH	2		2	30		SP079		
3	SG131	Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông	2	2		15	30	SP079		
4	SG011	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				
5	SG410	Lịch sử thế giới cận đại 1	2	2		30		SG412		
6	SG415	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	2	2		30		SP501		
7	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
8	XH025	Anh văn căn bản 3	3		3	45			XH024	
9	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30				
10	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP079		
		Cộng	19	12	7					
Học kỳ 5										
1	SP597	Kiến tập Sư phạm	2	2			60	SP079		
2	SG423	Đánh giá KQHT Ngữ văn - KHXH	2		2	15	30	SP079		
3	SG300	Lịch sử địa phương	2	2		15	20			
4	SP241	Ứng dụng CNTT trong dạy học lịch sử ở trường PT	2	2		15	30			
5	SP497	Lịch sử thế giới cận đại 2	2	2		30		SG410		
6	SP503	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	2	2		30		SG415	SG248	
7	SG105	Phương pháp dạy học lịch sử	2	2		15	30	SP079 SP010		
8	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
9	SP200	Lịch sử văn minh Việt Nam	2	2		30				
10	SP233	Lịch sử Đông Nam Á	2	2		30				
		Cộng	20	18	2					
Học kỳ 6										
1	SG429	Phát triển chương trình Ngữ văn - KHXH	2		2	30		SP079		
2	SP240	Rèn luyện nghiệp vụ SP Lịch sử	2	2		15	30	SG105		
3	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
4	SG413	Lịch sử thế giới hiện đại 1	2	2		30		SP497		
5	XH361	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	2	2		30		SP503		
6	SP236	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	2		30				
7	SP025	Lịch sử khẩn hoang Nam bộ	2	2		30				
8	SP235	Lịch sử văn minh thế giới	2		2	30				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành	Ghi Chú
9	TC100	Giáo dục Thể chất	3		3	90				
		Cộng	19	12	7					
Học kỳ 7										
1	SG378	Tập giảng môn lịch sử	2	2			60	SG105		
2	SG414	Lịch sử thế giới hiện đại 2	2	2		30		SG413		
3	SG417	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	2	2		30		XH361		
4	SG409	Lịch sử Nhật Bản từ năm 1868 đến nay	2	2		30				
5	SG396	Cách mạng tư sản và sự phát triển của CNTB	2	2		30				
6	SG452	Thực tế ngoài trường - sự phạm lịch sử	2	2			60			
7	SP506	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	2		30				
8	SG427	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	2		2	30				
9	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo	2		2	30				
10	SP196	Anh văn chuyên môn lịch sử	2	2		30				
		Cộng	20	16	4					
Học kỳ 8										
1	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SG167 SP597		
2	SP511	Luận văn tốt nghiệp – Lịch sử	10		10		300	≥ 105TC		
		Cộng	13	3	10					
		Tổng	141	102	39					

(*): các học phần điều kiện không tính điểm trung bình chung tích lũy

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Hội đồng KH&ĐT
Chủ tịch

Khoa Sư phạm
P.Trưởng Khoa

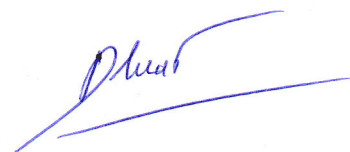
Bộ môn Sư phạm Lịch sử
Trưởng Bộ môn



Lâm Quốc Anh



Huỳnh Anh Huy



Phạm Đức Thuận